

Bản án số: 92/2017/DS-ST,
Ngày: 04/5/2017,
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản, nợ hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Lê Nam Hải,

- *Hội thẩm nhân dân:* 1. ông Đặng Bích Thuận,

2. ông Nguyễn Thái Sơn.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* ông Nguyễn Huy Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh:* không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 335/2016/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2016, về việc «Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản, nợ hụi», theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2017/QĐXX-DS ngày 07 tháng 3 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2017/QĐST-HPT ngày 04 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thị N, sinh năm X; địa chỉ: G, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: L, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn:* bà Vương Thị Thu Tr, sinh năm Y, và ông Huỳnh Đình Vĩnh L, sinh năm Z; cùng địa chỉ: H, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (cùng vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Hồ Sỹ Đ, sinh năm K; địa chỉ: L, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY:

* Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Ngày 10/10/2014, bà Lê Thị N cho vợ chồng bà Vương Thị Thu Tr, ông Huỳnh Đình Vĩnh L, vay số tiền 420.000.000 đồng để mua nguyên vật liệu vì vợ chồng bà Tr, ông Lộc là chủ cơ sở tiện hàn; đồng thời bà Tr tham gia chơi dây hụi 2.000.000 đồng/tháng do bà N làm chủ hụi, bà Tr

đã hốt hụi, nhưng chưa đóng lại đủ, hiện bà Tr còn nợ 19.500.000 đồng – giấy vay tiền do bà Vương Thị Thu Tr lập, ký tên, không ghi thời hạn thanh toán, lãi suất vay.

Về số tiền nợ vay, nợ hụi tổng cộng là 439.500.000 đồng, vợ chồng bà Tr, ông L hứa thanh toán theo thỏa thuận nhưng không thực hiện, mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu; do vậy đến ngày 10/10/2016, bà Như đã gửi thông báo đòi nợ theo bưu điện Phiếu báo phát cho bà Tr và ông L, hết thời gian bà N yêu cầu thanh toán nhưng bà T, ông L không trả lời, nên bà N khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Tr, ông L có nghĩa vụ liên đới cùng thanh toán số tiền 439.500.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Đồng bị đơn bà Vương Thị Thu Tr, ông Huỳnh Đình Vĩnh L:* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 1515/TB-TLVA ngày 01/12/2016; giấy triệu tập tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Tr, ông L đều vắng mặt không lý do nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Hồ Sỹ Đ trình bày:* Ông Hồ Sỹ Đ (là chồng của bà Lê Thị N), ông Đ thông nhất ý kiến trình bày của bà Lê Thị N, cùng yêu cầu bà Tr, ông L thanh toán nợ vì thực tế cả hai vợ chồng cùng vay nợ để mua nguyên vật liệu làm hàng sắt thép cho khách; ông Đ không có yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên;

Đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có yêu cầu phản tố;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Tòa án đã tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/02/2017 và ngày 06/3/2017, nhưng đồng bị đơn bà Vương Thị Thu Tr, ông Huỳnh Đình Vĩnh L đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, không tham gia phiên tòa, theo nội dung văn bản số 54/CV-VKS ngày 22 tháng 3 năm 2017.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Hình thức, nội dung đơn khởi kiện của bà Lê Thị N thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hụi là tiền đồng Việt Nam - được phép giao dịch trên thị trường, là loại việc tranh chấp hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tính tự nguyện giao kết giữa các chủ thể của hợp đồng, theo các đương sự xác nhận thì khi giao kết thực hiện hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc khi giao kết hợp đồng.

Đồng bị đơn bà Vương Thị Thu Tr, ông Huỳnh Đình Vĩnh L, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án. Hội đồng xét xử xét, việc đồng bị đơn bà Tr, ông L không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử vắng mặt đồng bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, các đương sự cam kết không bổ sung chứng cứ gì khác ngoài các chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của các bên đương sự: sau khi nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng về khởi kiện vụ án dân sự, Tòa án đã có Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 1515/TB-TLVA ngày 01/12/2016, có nội dung thông báo cho đồng bị đơn bà Vương Thị Thu Tr, ông Huỳnh Đình Vĩnh L, biết là nguyên đơn Lê Thị N khởi kiện yêu cầu bà Tr, ông L cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán số nợ vay, nợ hui số tiền tổng cộng là 439.500.000 đồng (trong đó nợ vay 420.000.000 đồng, nợ hui 19.500.000 đồng). Thông báo này đã được Tòa án giao cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 ngày 05/12/2016, giao Văn phòng thừa phát lại Quận 8 tổng đạt trực tiếp cho bà Tr, ông L – có con ruột của bà Tr, ông L là anh Huỳnh Đình Vĩnh S, sinh năm 1993 ký nhận vào ngày 05/01/2017; như vậy, thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án dân sự đã được Tòa án thông báo hợp lệ cho bên đồng bị đơn. Đồng thời, Thông báo còn có nội dung như sau: “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này, người được thông báo phải nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Trường hợp cần gia hạn, thì phải có đơn xin gia hạn gửi cho Tòa án nêu rõ lý do để Tòa án xem xét. Hết thời hạn này mà người được thông báo không có ý kiến gì đối với yêu cầu của người khởi kiện, thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”, nhưng đồng bị đơn bà Tr, ông L không có ý kiến gì về Thông báo thụ lý vụ án dân sự mà Tòa án đã tổng đạt.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, tính từ ngày thụ lý vụ án 28/11/2016 đến ngày Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 07/02/2017, Tòa án đã có nhiều văn bản tố tụng triệu tập trực tiếp và thông qua Văn phòng thừa phát lại tổng đạt cho đồng bị đơn đến Tòa án làm việc, nhưng đồng bị đơn đều vắng mặt không lý do; đối với giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 04/4/2017, giấy báo này Thừa phát lại Quận 8 đã tổng đạt trực tiếp cho bà Tr, ông L ký nhận vào ngày 09/3/2017; như vậy Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đồng bị đơn không có yêu cầu phản tố, theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét, theo tài liệu chứng cứ của bên nguyên đơn nộp Tòa án là giấy vay nợ ngày 10/10/2014 do bà Vương Thị Thu Tr lập, ký tên và thông báo đòi nợ theo bưu điện Phiếu báo phát ngày 11/10/2016, thể hiện số tiền vay là 420.000.000 đồng, số tiền nợ hui còn lại là 19.500.000 đồng, tổng cộng hai khoản là 439.500.000 đồng, đồng bị đơn và Vương Thị Thu Tr, ông Huỳnh Đình Vĩnh L không có ý kiến gì khác, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các chứng cứ, phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thực tế cho vay và vay theo giấy vay nợ ngày 10/10/2014 do bà Vương Thị Thu Tr lập, ký tên 22/02/2016; giấy vay nợ này không ghi thời hạn thanh toán, lãi suất vay, như vậy, đây là dạng hợp đồng vay không kỳ hạn, không lãi suất vay; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về dân sự – có thông báo đòi nợ, đồng bị đơn bà Tr, ông L không có ý kiến gì khác, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc đồng bị đơn là người vi phạm thỏa thuận hợp đồng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cụ thể là không thanh toán tiền nợ theo theo thông báo đòi nợ cho nguyên đơn; do vậy, đồng bị đơn phải có nghĩa vụ dân sự liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 439.500.000 đồng, thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật; khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên, nếu đồng bị đơn chậm thanh toán thì đồng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm (Mười phần trăm/một năm) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác, theo quy định tại các Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Sỹ Đ, không có yêu cầu độc lập, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Vương Thị Thu Tr và ông Huỳnh Đình Vĩnh L cùng phải chịu án phí dân sự là 21.580.000 đồng. Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự, bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 5.395.000 đồng (bà N thuộc diện gia đình khó khăn về kinh tế, được Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 25/11/2016; do vậy Tòa án giảm 50% tạm ứng án phí cho bà Như).

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 72, 73; khoản 1 Điều 91; Điều 93; khoản 1, khoản 4 Điều 95; khoản 1 Điều 96; các Điều 189, 195, 196, 199, 208; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 121, 122, 124, 290, 298, 471, 474, khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11; đoạn 2 điểm a và điểm b khoản 1 Điều 688; các Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; tiểu mục 2.c Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về lệ phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N, đối với bị đơn bà Vương Thị Thu Tr và ông Huỳnh Đình Vĩnh L, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản, nợ hui”.

1. Buộc bà Vương Thị Thu Tr và ông Huỳnh Đình Vĩnh L có nghĩa vụ dân sự liên đới thanh toán cho bà Lê Thị N, tổng cộng số tiền là 439.500.000 đồng (Bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng), trong đó gồm: số tiền vay là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng), số tiền nợ hui còn lại là 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm ngàn đồng), theo nội dung giấy vay nợ ngày 10/10/2014, được giao kết giữa bà Lê Thị N và bà Vương Thị Thu Tr.

Cách thức thanh toán: bà Vương Thị Thu Tr và ông Huỳnh Đình Vĩnh L có nghĩa vụ dân sự liên đới phải thanh toán tổng cộng số tiền 439.500.000 đồng (Bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) nêu trên, cho bà Lê Thị N, làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Vương Thị Thu Tr và ông Huỳnh Đình Vĩnh L chậm thanh toán khoản tiền 439.500.000 đồng (Bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) nêu trên, thì hàng tháng bà Vương Thị Thu Tr và ông Huỳnh Đình Vĩnh L còn phải trả lãi cho bà Lê Thị N đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm (Mười phần trăm/một năm) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Vương Thị Thu Tr và ông Huỳnh Đình Vĩnh L phải chịu án phí dân sự là 21.580.000 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng); bà Tr và ông L phải nộp số tiền án phí 21.580.000 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng) nêu trên, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự, bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 5.395.000 đồng (Năm triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0004048, ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị N, ông Hồ Sỹ Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Vương Thị Thu Tr và ông Huỳnh Đình Vĩnh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Lê Nam Hải